

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Hưng

Bà Phạm Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở toà án nhân dân huyện An Lão tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 625/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V; trú tại: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn B; trú tại: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 01 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão chị Phạm Thị V trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Bùi Văn B kết hôn với nhau năm 2004, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng ngày 10 tháng 9 năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm, anh B không chịu khó làm ăn, hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị V đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh B không nghe, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải, khuyên nhủ, nhưng không có kết quả. Chị V và anh B sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2018, không ai quan tâm đến ai. Nay chị V thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Lão giải quyết cho chị V được ly hôn anh B.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị V và anh Bùi Văn B có 02 con chung: Bùi Văn C, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004; Bùi Thị K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2007. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Bùi Thị K, để anh B nuôi con Bùi Văn C không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

3. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị V trình bày chị và anh B không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn B tại phiên tòa trình bày: Thống nhất với chị V về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong thời gian chung sống anh B và chị V có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B suy đoán, nghi ngờ chị V có quan hệ tình cảm với người khác ngoài hôn nhân, vợ chồng có cãi nhau, gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả, tháng 01 năm 2018 chị V ra ngoài thuê nhà ở riêng, vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị V đề nghị xin ly hôn, anh B mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con; về con chung: Anh B thống nhất với chị V về việc vợ chồng có 02 con chung về họ, tên tuổi, anh B đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công nợ: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Phạm Thị V có đơn khởi kiện về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, anh Bùi Văn B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tòa theo giấy

triệu tập của tòa án là chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết chị Phạm Thị V được ly hôn anh Bùi Văn B, giao cho chị Vui được nuôi con chung Bùi Thị K, anh Bao nuôi con Bùi Văn C; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào; chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị V:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V kết hôn với anh Bùi Văn B, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 9 năm 2004, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống chị V và anh B đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế, tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và từ tháng 01 năm 2019 chị V ra thuê nhà ở riêng, vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của chị Vui, anh Bao đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị V xin ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị V được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị V và anh Bùi Văn B có 02 con chung là Bùi Văn C, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004; Bùi Thị K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2007. Xét thấy chị V, anh B đều trong độ tuổi lao động, có công việc và thu nhập, có nơi ở ổn định, đảm bảo được điều kiện nuôi con; con chung của chị V, anh B đều đã

trên 07 tuổi, cháu Bùi Văn C có nguyện vọng đề nghị được ở với anh B, cháu Bùi Thị K có nguyện vọng đề nghị được ở với chị V. Nên căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Vui được nuôi dưỡng con Bùi Thị K, anh Bùi Văn B được nuôi con Bùi Văn Công như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57 và các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Phạm Thị V được ly hôn anh Bùi Văn B;

2- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị V được nuôi Bùi Thị K sinh ngày 13 tháng 10 năm 2007; anh Bùi Văn B được nuôi con con Bùi Văn C, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

3- Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0017084 ngày 15 tháng 02 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, chị V đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phạm Thị V, anh Bùi Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chi cục thi hành án huyện An Lão;
- UBND xã B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt